TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Tú

2. Bà Hoàng Thị Gấm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1-***Nguyên đơn***: Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2-***Bị đơn***: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1992; nơi cư trú: Khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 09/8/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng nhà mẹ đẻ anh N tại khu C, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Qúa trình chung sống, vợ chồng thường

xuyên có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh N ham chơi và không quan tâm đến vợ con. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng cuối năm 2021 đến nay, chị L về nhà bố mẹ đẻ của chị tại khu C, xã S ở và vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên chị L đề nghị ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/8/2020 và Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011. Hiện nay, cháu V đang ở cùng với anh N, cháu Y đang ở cùng chị L. Nếu ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, để anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh N, nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, không hợp tác làm việc nên không thu thập được ý kiến, đề nghị, yêu cầu của bị đơn là anh Nguyễn Văn N.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu ý kiến:

Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án là đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/8/2020; anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011, kể từ khi vợ chồng

ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L, anh N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng dân sự*:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "tranh chấp hôn nhân và gia đình" và nơi cư trú bị đơn là xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do nên việc xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh N bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy, ngày 29/4/2021, chị L và anh N đã được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê giải quyết cho ly hôn. Ngày 09/8/2021, hai bên đăng ký kết hôn lại và chung sống cùng nhà mẹ đẻ anh N tại khu C, xã S. Tuy nhiên, anh N không thay đổi lối sống, thường xuyên có quan hệ tình cảm không rõ ràng với người phụ nữ khác và đánh, chửi chị L. Do mâu thuân căng thẳng nên từ khoảng cuối năm 2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cuộc sống chung không thể kéo dài thêm nên chị L yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh N là có căn cứ, cần chấp nhận để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ.

[2.2] Về con chung: Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, hai bên đều có chỗ ở và đều là lao động tự do. Tuy nhiên, con chung là

Nguyễn Hoàng Y dưới 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ; con chung là Nguyễn Quang V đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng anh N. Trong thực tế, kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu V đã ở cùng anh N, cháu Y sống cùng chị L và các con chung được bảo đảm về cuộc sống sinh hoạt, học tập. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, ổn định của con chung, cần giao cháu Y cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu V cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì đương sự không yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị L không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. *Về con chung*: Xử:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 17/8/2020 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Quang V, sinh ngày 17/3/2011 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn N không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Chị Hoàng Thị L, anh Nguyễn Văn N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0007699 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ (Chị L đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã S;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Văn Thắng